

## KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

### QUYỂN 48

#### Phẩm 6: QUÁN THIÊN (Phần 27)

#### DẠ-MA THIÊN (Phần 13)

Các vị trời ấy đã thấy quả báo của nghiệp như vậy rồi, lại quan sát chỗ khác trên tháp Phật để tìm pháp hi hữu. Trên vách ấy lại cho thấy Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà sống thuận theo chánh pháp. Vị ấy không thương thân cận với dục lạc, thích thực hành chánh pháp và làm các việc lợi ích cho chúng sinh, biết rõ tất cả các nghiệp thiện, ác.

Đã thấy nghiệp rồi, vị ấy không sống phóng dật, tuy là Thiên vương nhưng không sống phóng dật.

Các vị trời quan sát nghiệp, quả báo của Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà rồi, mới nghĩ: “Đại Thiên vương này vốn do nghiệp gì được sinh ở cõi trời làm vua trời? Họ thấy vào đời trước, khi làm người, vị ấy tu tập pháp lành. Vào thời Đức Phật Nhiên Đăng, vị ấy được nghe pháp Phật. Nghe pháp rồi, vị ấy thâm giữ thọ trì, tư duy, tu hành theo pháp được nghe. An trụ như vậy, nghe như vậy rồi, cho đến trong một niệm, vẫn chưa bị tán loạn bao giờ, vị ấy xuất gia với lòng tin chân chánh, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y. Đã xuất gia rồi, ngay cả một điều ác nhỏ như hạt bụi vị ấy cũng rất ghê sợ và tu tập phạm hạnh. Do nhân duyên đó, khi chết, vị ấy sinh vào đường lành là cõi trời, làm Thiên vương ở cõi trời Tha hóa tự tại, có tên là Bất Hoại. Khi thoát đọa khỏi cõi trời đó, vị ấy sinh trong loài người làm Chuyển luân vương, làm vua bốn phương. Khi nghiệp này hết, vị ấy chết và sinh ở cõi trời Tứ Thiên vương. Ở cõi này thoát đọa, vị ấy sinh trong nhân gian và lại được làm vua cai quản một vùng đất rộng một ngàn do-tuần. Sau khi chết, vị ấy sinh làm vua ở cõi Phất-bà-đề, có thân thể rất thù thắng. Sau đó vị ấy lại sinh làm A-tu-la có thần thông bậc nhất và có thế lực lớn. Khi chết, vị ấy lại sinh làm trưởng giả rất giàu, thường tu pháp bố thí lớn nhất. Vị ấy trì giới nghiêm túc và có đủ trí tuệ. Sinh ở chỗ nào vị ấy cũng có đủ ba việc bố thí, trì giới và trí tuệ.

Khi hết nghiệp ở nơi ấy, do tu thí, giới, trí không ngừng nghỉ nên khi chết vị ấy sinh vào đường lành là cõi trời và làm vua cõi trời Dạ-ma có tên là Mâu-tu-lâu-đà. Do các pháp như vậy lần lượt nối tiếp nhau không dứt, do tâm thiện và khéo điều phục, do không sống phóng dật, nên các cảnh giới dục không hủy hoại được tâm vị ấy. Vị ấy làm lợi mình, lợi người và tạo vô lượng nghiệp lành. Do sống tùy thuận vị ấy có nhiều Thiên chúng và không bị lệ thuộc vào dục lạc. Bấy giờ, Thiên chúng Dạ-ma mới nói kệ:

*Sống thuận theo pháp lành  
Sẽ thường gặp việc lành  
Vô lượng ngàn ức kiếp  
Không bị mất nghiệp thiện.  
Trì giới ngày càng vững  
Chuyên đào luyện trí tuệ  
Mọi thời đều bố thí*

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Thường không dứt hệ niệm.  
Tu hành thí, giới, trí  
Trừ bỏ ba lỗi lầm  
Do lìa bỏ lỗi ấy  
Siêng tu tập công đức.  
Tuy đầy đủ thiên dục  
Cảnh giới vui không mất  
Do không sống phóng dật  
Nên không đọa địa ngục.  
Thường không từ bỏ pháp  
Sống thuận với chánh pháp  
Ai không sống theo pháp  
Là kẻ rất ngu si.  
Người gần với giới pháp  
Siêng năng tu tập trí  
Sẽ diệt khổ các cõi  
Như ánh nắng trừ tối.  
Ai hay tăng trưởng pháp  
Được trời, người lễ lạy  
Sống ở chỗ đặc biệt  
Cho đến nhập Niết-bàn.  
Ai biết pháp như vậy  
Tư duy đúng pháp tướng  
Thì sẽ thoát các cõi  
Và đến thẳng bờ kia.  
Trí, nhân thường ái ngữ  
Thương tất cả chúng sinh  
Bố thí đủ loại vật  
Đường này đến Niết-bàn.  
Kẻ ác thì gần ác  
Hoặc là gần biếng trễ  
Tâm thô ác pháp tăng  
Đi con đường địa ngục.  
Gặp ai cũng đều vui  
Gặp ai cũng đều giận  
Nơi nơi đều tham đắm  
Như vậy gọi là si.  
Bị pháp ác mê hoặc  
Lìa bỏ các pháp thiện  
Do si vào địa ngục  
Chịu các pháp khổ não.  
Cầu thiện sống theo pháp  
Thường xả bỏ dục lạc  
Sống trong sạch giữa trời  
Xứ Mâu-tu-lâu-đà.

Thiên chúng ở vùng đất có đầy đủ cây cối nơi cõi trời Dạ-ma nói với nhau về sự ưa thích cảnh giới mà sinh lo sợ, tất cả sự buồn khổ đều hiện cho thấy rồi lại cùng với Thiên vương Mâu-tu-lâu-đà đến nơi khác của tháp Phật nhìn lên vách tháp xem Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà cùng Thiên chúng khi thoát đọa khỏi cõi này sẽ sinh cõi nào và ở đường nào.

Bấy giờ, ở trên vách tháp, tất cả Thiên chúng đều thấy bản thân mình và Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà sau khi thoát đọa khỏi cõi trời thì sinh ở Diêm-phù-đề, tất cả đều ở vào lúc Đức Phật Di-lặc ra đời. Họ có đầy đủ các căn và đều sinh trong dòng họ lớn, làm bạn với nhau, sống chung trong một nước, yêu thích lẫn nhau, ở trong dòng họ lớn, đều rất giàu có, sinh trong dòng họ tôn quý. Trên vách tháp họ đều thấy tự thân Mâu-tu-lâu-đà ở cõi nước ấy sinh trong hàng vua chúa thuộc dòng họ lớn, giàu có, có uy lực lớn, được mọi người cúng dường, trăm ngàn ức bảo vật đầy nhà, sinh làm con trưởng trong dòng dõi vua chúa, có tên là Thiện Giới.

Bấy giờ, ở nơi ấy, Đức Phật Di-lặc thuyết pháp tịch tĩnh, hướng đến thành Niết-bàn. Đức Phật nói bốn Thánh đế đầy đủ công đức đầu, giữa, cuối đều thiện, nghĩa thiện, ngữ thiện, các pháp đầy đủ, trong sạch, rõ ràng. Pháp đó chỉ ra: Đây là sắc, đây là nguyên nhân phát sinh ra sắc, đây là sự diệt mất của sắc, đây là con đường dẫn tới sự hoại diệt của sắc.

Theo thứ lớp như vậy, Đức Phật lược nói về tổng tướng của thọ, tưởng, hành, thức, tất cả chúng sinh an ổn, xa lìa uế trước, hướng đến thành Niết-bàn không có chướng ngại và thuyết pháp như vậy cho các thế gian.

Khi ấy, vương tử Thiện Giới con đầu của nhà vua truyền cho mọi người nghe tin Phật Di-lặc sắp thuyết pháp. Nghe rồi, như đã nói ở trước, các đồng bạn do nghiệp nhân tu tập nghiệp thiện ở đời trước mới so lường suy xét, tất cả đều đến chỗ vương tử Thiện Giới. Cả thấy là hai vạn người đều gặp vương tử Thiện Giới và nói như ở trước.

Khi ấy, nghe họ nói xong, do nghiệp thiện cũ, Thiện Giới sinh tâm hoan hỷ, sinh tâm kính trọng, sắc mặt thanh tịnh. Tất cả đều hòa hợp cùng nhau đứng dậy đến gặp Đức Phật Di-lặc.

Những người này vây quanh Thiện Giới cũng như trời Tam thập tam thứ hai vây quanh Đế Thích. Trên đường đi, từ xa họ đã thấy Phật Di-lặc có ba mươi hai tướng đại trượng phu. Đức Phật rộng nói pháp vi diệu, để làm lợi ích cho tất cả hàng trời, người ở thế gian cùng với các Sa-môn, Bà-la-môn. Đức Phật nói pháp nhập Niết-bàn đầu, giữa, cuối đều thiện. Pháp ấy trong sạch giống như ao nước có thể dứt hết các khổ, có thể dứt trừ tất cả dây trói sinh tử để tuần tự tiến đến Niết-bàn và đã thuyết pháp như vậy. Bấy giờ chúng hội rộng lớn hơn biển và Đức Phật Di-lặc đang thuyết pháp trong ấy.

Khi đó, từ đằng xa, thấy Thiện Giới có nhiều người vây quanh, Đức Phật bảo đại chúng: “Đây là Thiên chủ Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà cùng với Thiên chúng Dạ-ma. Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà này tu tập phạm hạnh, trước đây đã gieo nhiều hạt giống pháp lành, nay căn lành đã chín, Thiên chủ Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà đã nổi lông dây trói buộc, phần lớn các nghiệp bất thiện đều bị tiêu diệt, xả bỏ dục lạc, nay đã đến lúc dứt sạch các khổ.

Nghe Như Lai nói như vậy, họ sinh tâm hoan hỷ, sinh tâm kính trọng, xa lìa tất cả sinh tử. Dung quang của Như Lai rất là hiếm có không thể ví dụ. Mâu-tu-lâu-đà được thấy Đức Phật đáng kính rồi, bèn đánh lễ dưới chân rồi đứng qua một bên, bạch với Thế Tôn: “Con đã mệt mỏi, chán nản việc trôi lăn trong thế gian sinh tử”.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thuyết pháp tùy theo căn cơ, có mười ngàn người thường gần vua, thường đi chung với vua, là bạn đồng hành trước đây được sạch hết lậu, hoặc, Thiên chủ Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà lần lượt thấy tất cả đời vị lai như Đức Thế Tôn Ca-na-ca Mâu-ni đã hóa hiện trên vách. Các việc hiếm có mà bậc Nhất thiết trí hóa ra gồm có vô lượng loại, các cảnh giới khác cõi trời, cõi ma và các Sa-môn, Bà-la-môn không thể thấy được ngoại trừ người gần gũi bậc Chân chánh, sống gần Như Lai, gần Thiện tri thức, trong việc ra khỏi sinh tử đó là điều tốt nhất.

Bấy giờ, tất cả Thiên chúng đều sinh tâm vui vẻ, sinh tâm kính trọng đối với Phật, Pháp, Tăng. Lúc này Thiên vương ấy cùng với Thiên chúng đánh lễ Phật rồi ra khỏi tháp Phật.

Kinh thứ năm trong sáu kinh mà Đức Thế Tôn Ca-na-ca Mâu-ni hóa hiện ra đã nói xong.

Bấy giờ, Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà sinh tâm hoan hỷ, thấy tai họa của sự dục lạc liền sinh lo sợ. Thiên chủ cùng Thiên chúng quan sát lại vùng đất có đầy đủ cây cối. Thiên chúng ra đi một cách hoan hỷ. Nơi ấy có đủ hạng Thiên chúng, có nhiều khu vườn, ao sen đầy khắp, có vô lượng loại hoa sen nơi các ao, có đủ loại chim với âm thanh đáng ưa, người nghe âm thanh ấy liền thọ an lạc. Vùng đất có đầy đủ cây cối, có vô lượng trăm ngàn Thiên nữ, ca múa vui cười, nô đùa đủ cách, họ có đầy đủ vô lượng công đức, có cây bảy báu vi diệu trang sức khắp vùng đất ấy. Quả báo của tự nghiệp có các bậc thượng, trung, hạ. Tự nghiệp của Thiên chúng là ưa thích dục lạc. Ở khắp vùng đất ấy, họ là đồng bạn của nhau, không làm trở ngại nhau, tin tưởng lẫn nhau, có nhiều Thiên tử và Thiên nữ yêu mến nhớ nghĩ lẫn nhau, có nhiều con sông bên trong có nước uống mùi vị rất ngon, lại có đủ loại cung điện bằng châu báu vi diệu, có đủ màu đáng yêu và đầy đủ công đức nơi năm dục. Chúng được trang sức bằng các ánh sáng báu. Các bảo điện ấy tranh nhau phát ra ánh sáng thù thắng, như lửa luyện vàng, san hô, xa cừ. Có nhiều ngọn núi và châu báu xanh trang điểm vùng đất ấy.

Vùng đất có đầy đủ cây cối được tô điểm đáng yêu như vậy.

Thiên vương Dạ-ma Mâu-tu-lâu-đà đã quan sát rồi bảo Thiên chúng: Thiên chúng các ông đã xem Thiên chúng ấy sống vui vẻ như vậy, đi chơi vui vẻ từ núi này đến núi khác, từ một ngọn núi đến một ngọn núi, ca múa vui đùa bằng năm loại âm nhạc. Các ông đều thấy Thiên chúng ấy rồi phải không?

Thiên chúng đã thấy đủ thứ ở tháp Phật, trả lời Thiên vương: “Chúng con đã thấy”.

Bấy giờ Thiên vương Dạ-ma bảo Thiên chúng:

–Như Lai đã giảng nói theo căn cơ. Điều suy nghĩ trên cõi trời là: Chư Thiên sống phóng dật, khi mạng sắp dứt, nghiệp lành sắp hết, giờ thoát đọa sắp đến, quả báo của việc giữ giới sắp tan rã, hành nghiệp như huyễn hóa nhưng họ ngu si không biết, chư Thiên sống phóng dật không hay, không biết, bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Vô lượng loại khổ suy nghĩ này và việc lưu chuyển trong sinh tử đều do nghiệp cũ. Vì sao? Đó là do trong cuộc sống, niệm niệm dời đổi không dừng lại và do nhiều nghiệp lực không thể lìa được.

Tất cả ba tướng hữu vi này do ba lỗi sinh, trụ, diệt nên có vô lượng các việc suy nghĩ. Nó không có một chút mùi vị vậy mà Thiên chúng không hay, không biết, tự cho là thú vui lớn. Niệm niệm gần kề với cái chết, giờ chết sắp đến, đã vào cửa chết mà họ không hay không biết. Như tất cả các pháp hữu vi này, niệm niệm không dừng, tất cả

vật có mạng sống đều bị vô thường hủy hoại, biến đổi mau chóng trong vài năm.

Lúc thoát đạo, vị trời ấy mới hay biết khổ não, có vô lượng loại ân ái xa lìa.

Khi đó, đã thấy Thiên vương, Thiên chúng sinh tâm vui mừng, vội vàng trang điểm thân mình, Thiên y rủ xuống, họ dùng mũ báu, anh lạc, vòng hoa đẹp đẽ của chư Thiên để trang điểm nơi thân. Trong ánh sáng của tự thân có nhiều Thiên nữ trang sức đủ cách, bao gồm trăm ngàn người vây quanh Thiên tử. Họ vui chơi, ca múa, đủ loại âm nhạc và thọ hưởng niềm vui lớn nhất do nghiệp của mình. Sự trang sức rất đầy đủ như vậy gồm trăm ngàn loại màu sắc hương đến Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà.

Thấy như vậy rồi, Thiên vương theo đó mà xem xét, liền đến gần hơn để xem họ vui chơi, thọ hưởng các dục lạc. Khi ấy, Thiên vương tùy thuận với tâm của họ nên tạm thời gia nhập, vui chơi hưởng dục lạc. Thiên vương đùa vui với Thiên chúng trong chốc lát. Các vị trời ấy động tâm, ưa thích dục lạc. Vui chơi rồi, họ đến ngọn núi khác có đủ loại san hô, các cây bằng vàng bạc, vô lượng loại màu sắc vi diệu, trang sức, gồm có vô lượng loại tiếng hót của các loài chim, có vô lượng loại ánh sáng chiếu rực rỡ, có vô lượng loại ý niệm phân biệt khác nhau, có vô lượng loại châu báu kỳ diệu tô điểm ngọn núi này. Thiên chúng đi đến ngọn núi như vậy. Đến ngọn núi rồi, tâm thích thọ vui, Dạ-ma chủ ấy cùng với chư Thiên đã từng thấy tháp Phật. Họ cùng đi với nhau, cùng đến vô lượng cảnh giới vui vẻ.

Bấy giờ, Thiên chủ Dạ-ma bảo Thiên chúng: Ta cùng các ông theo nhau mà đi, làm lợi ích cho chính mình, nếu xả bỏ cảnh giới mới được lợi ích, không xả bỏ cảnh giới thì không có lợi ích. Chúng ta quyết định tùy thuận hành theo Phật pháp cho đến rốt ráo, cho đến Niết-bàn.

Nói với Thiên chúng như vậy rồi, Thiên chủ Dạ-ma cùng Thiên chúng đi đến vùng đất có đầy đủ cây cối với tâm vắng lặng.

Đến nơi, họ ở trong một chỗ có đủ loại dòng nước, có ao sen vi diệu, có rừng hoa sen, có nhiều loại chim làm đẹp ao ấy, lại có đủ loại ong bằng châu báu trang sức nơi ấy, khắp nơi đều sáng rực.

Vùng đất đáng yêu ấy có tháp của vị Phật thứ sáu hiệu là Ca-diếp. Thấy cảnh ấy rồi, Thiên chủ sinh tâm tán phục. Trong số ánh sáng của tất cả châu báu, ánh sáng của tháp Phật là hơn hết, nó vọt lên tận hư không, có đủ loại châu báu kỳ diệu trang sức. Ánh sáng của châu báu ấy hơn cả ánh sáng của trăm ngàn mặt trời. Ánh sáng ấy trong lặng khiến tháp Phật được thấy ở một nơi rộng rãi.

Khi ấy, thấy như vậy rồi, Thiên chúng bạch với Thiên chủ Mâu-tu-lâu-đà:

–Đây là ánh sáng của những thứ châu báu kỳ diệu gì mà giống như đã thấy lúc trước.

Sau khi nghe hỏi, Thiên chủ Dạ-ma bảo:

–Thiên chúng hãy lắng nghe, cái mà các ông đang thấy là ánh sáng thù thắng, vi diệu của đủ loại châu báu như đã thấy lúc trước. Đó là tháp của Phật Ca-diếp, bậc Thiên Trung Thiên, Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, là bậc Đại tiên thứ sáu. Tháp Phật này tạo lợi ích cho chư Thiên đã từng tu phạm hạnh, đã từng tu tâm tịnh. Trên vách báu trong tháp Phật này hóa hiện rõ ràng các hình ảnh để làm lợi ích cho chư Thiên, như các Đức Phật khác đã làm. Ta và chư Thiên các ông hãy sinh tâm kính trọng đối với chánh pháp của Phật để tự làm lợi ích.

Nói như vậy rồi, Thiên chủ Dạ-ma cùng Thiên chúng đi đến tháp Phật. Đến nơi,

họ thấy đầy đủ các loại ánh sáng báu, vi diệu như đã nói ở trước.

Bấy giờ, Thiên chủ Dạ-ma cùng với Thiên chúng tiến vào tháp Phật liền thấy tượng Phật Ca-diếp. Tượng này làm bằng vàng Diêm-phù-na-đà, có y phục bằng châu báu vi diệu và ánh sáng trùm khắp. Tượng Phật ngồi trên tòa Sư tử, làm bằng châu báu tỳ-lưu-ly, trông giống như đang thuyết pháp không khác. Tượng ấy có hình sắc đẹp không thể ví dụ. Thân sắc của chư Thiên so với thân sắc ấy cũng giống như lửa đom đóm so với ánh sáng mặt trời. Hình sắc, oai đức của Phật thù thắng vi diệu như vậy.

Thấy tượng Phật rồi, Thiên vương và Thiên chúng tâm rất vui mừng, kính trọng và tin tưởng sâu xa, kính cẩn đánh lễ, cởi bỏ thiên quan, chuỗi anh lạc và các đồ trang sức. Họ xa lìa các sự kiêu mạn về sắc, chấm dứt sự ưa thích về sắc, lìa bỏ sự ngạo mạn về ánh sáng, tất cả kiêu mạn đều được xả bỏ. Tâm họ xa lìa sự cấu uế của dục, cung kính đánh lễ sát chân Phật, dần dần lìa bỏ ngạo mạn, rồi trở lại đánh lễ Phật. Lễ xong, tất cả Thiên chúng đều nhất tâm bất động.

Do nghiệp nhân, trên vách báu trong tháp Phật ở một góc nơi điện Phật, họ thấy có văn tự. Đó là kinh do thần lực của Phật hóa hiện ra để làm lợi ích cho hàng trời, người. Tất cả thế gian đều được lợi ích. Từng chữ, từng câu đều có nghĩa thiện, vi thiện, dạy cho chúng sinh con đường tuấn tự tiến đến Niết-bàn. Đó chính là bậc đại Hòa thượng của tất cả người xuất gia.

Theo môn học về luật và kinh, Tỳ-kheo bị mười ba pháp làm ngăn ngại, khiến không thể tọa thiền, đọc tụng kinh luật, ngăn trở việc tự làm lợi ích và không thể đạt đến Niết-bàn.

Nên các Tỳ-kheo không xả bỏ mười ba pháp như vậy thì không thể thoát được bệnh, già, chết, kêu gào, than khóc, buồn khổ rầu rĩ, là kẻ thấp kém chẳng phải là người xuất gia chân thật, thân, khẩu, ý thường hành động không chân chánh, không siêng năng tinh tấn. Tỳ-kheo như vậy nếu thọ nhận tọa cụ, thuốc men, đồ dùng của người khác trong một ngày cũng không thể tiêu. Vật như vậy làm ngăn ngại mình.

Ngăn ngại có nghĩa là khiến thân gây ốm, biếng nhác, lo sợ không hiểu biết điều gì. Người như vậy thì không thể vượt được sông lớn rất sâu và chảy xiết. Người này có thân thể gây ốm, không thể làm việc, tâm không được điều phục, thường hay lừa dối biếng. Người này không biết ngồi thiền, đọc tụng kinh luật, sợ sệt, không có trí tuệ, bị sự vô minh của chính mình che lấp, cho nên không thể vượt được năm sông ái dục. Do bám theo cảnh giới nên họ không thể vượt và bị cảnh giới làm trôi dạt trong sông ái. Bị trôi dạt trong sông ái rồi, họ trôi vào biển sinh tử, trôi lăn liên tục không có lúc dừng.

Mười ba pháp đó là gì? Đó là thích nói nhiều, diễn thuyết, trị bệnh, làm họa sĩ, nghe việc tà ác, ca ngâm tán tụng, xem xét tinh tú, coi tướng lành dữ, chỉ tham ăn uống và mong cầu các vật báu, gần gũi vua quan mong họ mời đến, không thưa hỏi người khác để mong được nhiều hiểu biết, ở cùng chỗ với điều ác...

Sa-môn nào vướng vào mười ba pháp này thì sẽ bị trở ngại trong việc tọa thiền, đọc tụng. Do sự trở ngại ấy, họ bị mất lợi ích hoặc chỉ còn lợi ích rất ít. Do bị mất lợi ích, họ sinh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Người xuất gia hư dối như vậy chẳng phải là xuất gia, cũng chẳng phải tại gia. Họ xả bỏ pháp lành và bị những người có phạm hạnh khinh rẻ. Họ chỉ có hư danh, giống như tiếng ốc, không nghe không biết về hạnh Niết-bàn, có nhớ nghĩ điều gì đều không được theo ý, các vị Thiên hộ thân bỏ họ mà đi.

Sự ngăn ngại đầu tiên làm trở ngại việc tọa thiền vì khiến tâm rất loạn động. Việc

thích nói nhiều, diễn thuyết ban đầu thì dễ ưa về sau thì hối tiếc, khó chịu. Tất cả người xuất gia nên xả bỏ pháp nói nhiều này. Người thích nói nhiều, do nói nhiều nên tâm không được điều phục, không thể làm việc chân chánh, không thể trì giới, tâm thường loạn động. Do tâm loạn động nên có nhiều nghi ngờ. Người này thích gần kẻ ác. Kẻ ác ấy là tâm loạn động. Người này thường thích xem tài tử ca múa, từ nơi này đến nơi khác, từ xứ này đến xứ khác, đi chơi không nghỉ. Hoặc thành hoặc thôn, hoặc các xóm làng người này thường đi không nghỉ để xem các trò chơi của họ. Vào các ngày lễ hội vui chơi, người này thường đi dòm ngó khắp nơi, thường đến xem các nơi nhộn nhịp. Gần người như vậy để kết làm bè bạn theo sở thích của mình thì ý thường loạn động, thường thích nói năng không ngừng nghỉ cả ngày lẫn đêm. Ý người ấy rối loạn không nghe không biết. Người ấy thường bị các bạn đồng phạm hạnh khinh rẻ. Khi biết người khác khinh rẻ, người ấy nổi giận đối với những người trì giới. Do nghiệp này, khi chết, người ấy bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Lại nữa, người thích nói nhiều ấy lại có lỗi lớn. Tỳ-kheo ác ấy chưa từng nghe pháp nhiều, phá hủy giới cấm, thích nói nhiều, tự cao, khinh động, tuy gặp Phật rồi nhưng tâm không biết hổ thẹn. Do không hổ thẹn nên không cung kính Phật. Vì vậy Đản-việt không kính trọng người này. Do bị người khác khinh rẻ nên người ấy xả giới, hoàn tục.

Người thích nói nhiều ấy lại có tai họa lớn. Tai họa đó là gì? Đó là do thích nói nhiều mà lại dạy người xuất gia khác bỏ chánh pháp. Người ấy tự phá hoại, lại hay phá hoại người khác. Do phá hoại cả mình lẫn người nên người ấy mang tiếng xấu. Tiếng xấu ấy vang xa khắp bốn hướng. Chúng Tăng biết việc ấy nên xua đuổi, từ bỏ. Các Tỳ-kheo khéo trì giới sợ người ác này khiến họ phạm sai lầm nên tất cả đều xả bỏ Tỳ-kheo ấy và gọi Tỳ-kheo ấy là tri thức ác. Tỳ-kheo ấy bị các Tỳ-kheo đồng phạm hạnh chê khinh như vậy.

Lại nữa, người thích nói nhiều ấy, lại có lỗi lớn nói đủ thứ chuyện mà trước đây đã nghe. Tâm họ ưa thích và cho là vui. Đã được nghe rồi, Sa-môn ác ấy sinh tâm rất vui. Do tâm vui, người ấy tin các điều phi pháp, tin cái nghĩa phi pháp, pháp cho là phi pháp, phi pháp cho là pháp. Người này cũng tin tưởng những người hành phi pháp khác. Do ưa thích nói nhiều, người này liền rơi vào tà kiến. Do tà kiến người này nói vọng động. Do nghiệp ác đó, khi chết người này bị đọa vào đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Từ lỗi lầm thích nói nhiều này lại có nhiều tai họa.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn Ca-diếp Như Lai nói kệ:

*Nói nhiều lời thêu dệt  
Hay khiến tâm ý loạn  
Làm hư hoại phạm hạnh  
Ngăn ngại đường Niết-bàn.  
Ai thường thích nói nhiều  
Hèn hạ không giữ giới  
Người ấy thường xả bỏ  
Việc kiến đế tọa thiền.  
Không điều phục là gốc  
Khiến mất hết niệm lành  
Cũng hay mất phạm hạnh  
Bế tắt đường Niết-bàn.*

*Hay ngăn trở Thiên đạo  
Lại hay mở đường ác  
Khiến vào đường ngạ quỷ  
Và vào đường súc sinh.  
Cho nên việc nói nhiều  
Chính là mẹ sinh tử  
Tỳ-kheo nào thiên, tụng  
Muốn an ổn phải bỏ.*

Đức Phật Ca-diếp đã nói việc thích nói nhiều có lỗi lầm lớn như vậy.

Kể đến lại nói về công đức có được nhờ không nói nhiều. Đó là Tỳ-kheo khéo giữ tâm ý ngay thẳng, chỉ thích chánh pháp, chỉ biết chánh pháp, ăn nói ngay thẳng, chỉ nhớ nghĩ chánh pháp, tư duy về chánh pháp, chỉ thực hành chánh pháp và thường xuyên lễ Phật. Hạng Tỳ-kheo này có thể thấu suốt những chỗ mà họ chưa từng gặp. Nhờ xả bỏ việc nói nhiều nên họ chỉ hành động chân chánh, sợ hãi sinh tử. Lời nói của người này có đưa đến kết quả, đó là lời nói của những người chỉ nói bốn Thánh đế. Thân người ấy làm việc rất chăm chỉ. Thân người đó có kết quả, đó là siêng năng lễ bái Phật, Pháp, Tăng. Ý của người đó cũng có kết quả. Ý thường tư duy về tự tướng và tướng tướng tự. Kết quả của ba loại siêng năng như vậy là tiến gần đến Niết-bàn.

Nếu người nào dùng tất cả phương tiện, nỗ lực để xả bỏ việc nói nhiều, xa lìa, không thường gần gũi tri thức ác thì tâm sẽ ngay thẳng, không loạn động. Người nào làm được ba việc sau thì sẽ đến Niết-bàn. Ba việc đó là gì? Đó là quán hơi thở, quán bất tịnh và quán vô thường, hư hoại. Tất cả các việc này nếu giữ tâm ngay thẳng thì có thể đạt được, nếu tâm không ngay thẳng, thích nói nhiều, tâm không có chánh niệm thì sẽ ngăn ngại ba việc này. Đó chính là nẻo ác dẫn vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Chúng sẽ trói buộc người dẫn vào đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Chúng sinh này bị việc nói nhiều lừa dối cho nên thích nói nhiều, việc nói nhiều như chất độc, như dao, như lửa, như rắn, như rớt từ bờ hiểm. Tỳ-kheo có trí tuệ, ngồi thiền, đọc tụng phải thường xả bỏ việc này.

Việc nói nhiều ấy hay lừa dối nhiều người khiến bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu do dư nghiệp được sinh làm người thì người ấy làm người thường ca múa, vui chơi, nhảy nhót, lực sĩ, ca kịch, ca hát đủ loại, đi xin ăn bên cửa nhà người khác ở khắp nơi hoặc là đi buôn bán kiếm lời để sinh sống, hay là bị mù lòa phải đi xin ăn ở nơi chợ quán, hoặc các đường phố có nhiều người. Ai thích nói nhiều sẽ bị rắn độc cắn. Ai thích nói nhiều sẽ bị lửa lớn thiêu đốt. Ai rơi vào chỗ nguy hiểm là thích nói nhiều, như vậy sẽ bị nọc độc nói nhiều châm chích.

Người ngu si thích nói nhiều này bị tất cả làm mê hoặc. Tất cả sự mê hoặc là do nói nhiều. Việc thích nói nhiều là đóng mở ám lớn. Người sợ con đường ác thì phải xả bỏ việc nói nhiều. Xả bỏ rồi siêng năng tu hành theo thứ lớp liền được thấy đạo.

Vì vậy ta phải làm như vậy: Ở nơi vắng vẻ im lặng, không có các âm thanh làm trở ngại, không có tiếng gọi đáp, tiếng ca, tiếng trống, ở nơi tu tập mặt trời trí tuệ, nơi hang núi gốc cây, nơi phước đức không có âm thanh làm chướng ngại, ở một mình không có người nào khác, ngồi yên một chỗ, gom tâm giữ chánh niệm, diệt trừ ma phiền não. Phải khéo léo làm như vậy để điều phục tâm, khiến tâm tịch tĩnh xa lìa tất cả việc nói nhiều.

Tất cả anh em, bè bạn đến thăm ta đều phải lìa bỏ việc nói nhiều, tâm không



mong cầu họ tới thăm, chỉ thích ở một mình, thường ngồi thiền, đọc kinh, xa lìa bốn sự điên đảo để được an lạc. Mười sáu pháp quán số tức họ đều biết và thực hành một cách siêng năng không kể ngày đêm nhờ vậy có thể thoát được dây trói sinh tử. Ai làm được như vậy thì có thể đến được nơi thù thắng. Nếu người nào chưa được thấy chỗ thường an ổn thì phải lìa bỏ việc nói nhiều. Người có trí tuệ, tâm ý khéo léo, tu hành vững chắc làm Sa-môn, lìa bỏ biếng nhác phải xa bỏ một pháp này đó là việc thích nói nhiều.

Lại nữa, phải đoạn trừ pháp chương ngại thứ nhì, đó là pháp không nên làm vì nó dẫn đến việc sát sinh. Pháp thứ hai đó là gì? Đó là Tỳ-kheo làm thầy thuốc trị bệnh không thể tọa thiền, không thể đọc tụng. Tỳ-kheo hành nghề thầy thuốc đi đường khác, làm việc khác với đạo, thường tìm kiếm bệnh nhân, thường mong cầu trị bệnh. Người làm việc này lòng tham tăng trưởng rất lớn. Do tâm tham ấy người này thường tư duy: “Mong chúng sinh có nhiều bệnh, có vô lượng loại bệnh và các chúng sinh bệnh đó sẽ cúng dường thật nhiều cho ta, đem nhiều tài vật cho ta. Vì vậy ta phải làm việc ở nơi đông người, để thường thọ hưởng dục lạc từ thôn đến thôn, từ thành đến thành, từ biên địa đến biên địa”.

Đã suy nghĩ vậy rồi, lòng tham của Tỳ-kheo ác ấy càng thêm tăng trưởng. Khi lòng tham đã tăng trưởng, trong tâm Tỳ-kheo này sinh ra chất cấu uế, không thể ngồi thiền, không thể đọc tụng và không thể làm việc lành.

Lại nữa, việc trị bệnh có lỗi cấu uế là Tỳ-kheo ác ấy tự làm hoen ố địa vị Tỳ-kheo. Nếu các chúng sinh nào có bệnh hoạn, Tỳ-kheo ác ấy bảo người giữ thuốc hãy mau đem dầu đến. Nếu không có dầu thì ép mè. Do ép mè nên làm chết nhiều trùng. Đó chính là tội lỗi của việc trị bệnh. Người này làm Sa-môn một cách hư dối, chỉ có miệng tự nói ta là Sa-môn nhưng thật ra chẳng phải là Sa-môn.

Lại nữa, gặp người bệnh thì họ dạy người nuôi bệnh lấy thịt cho người bệnh ăn và dặn là phải lấy thịt mới giết, không dùng nhiều thịt mỡ, không dùng thịt của con vật tự chết, không dùng thịt của con vật chết vì bệnh, không dùng thịt của con vật chết vì chất độc, không dùng thịt của con vật chết vì rắn cắn, không dùng thịt khô, không dùng thịt của con vật gầy ốm. Họ dạy như vậy. Do được dạy như vậy, người kia liền sát sinh. Do sát sinh nên bị mắc tội sát sinh, hoặc dạy người sát sinh, hoặc tự sát sinh, hai hạng người ấy đều đồng một nghiệp sát sinh bị đọa vào địa ngục Hoạt. Vì vậy không nên do tâm tham mà làm nghề trị bệnh.

Tỳ-kheo làm nghề trị bệnh lại có tội lỗi là: Tuy có thể nói ta là Sa-môn nhưng thật ra là kẻ cướp lớn, là người rất ác. Vì chúng sinh bị đau bệnh, họ đi khắp nơi để thu nhặt các loại thuốc, hoặc là cành cây, hoặc là trái cây. Để có tài vật, họ thu nhặt tất cả. Các loại thuốc ấy đều chứa trùng, là chỗ nương của trùng, trùng ở đầy khắp trong đó. Do tâm tham, muốn được tài vật họ đào dưới đất lên để lấy hoặc cắt để lấy. Do đào để lấy thì họ giết trùng dưới đất hoặc phá nơi ở của trùng ấy. Nếu cắt để lấy thì giết trùng ở bên trong hoặc khiến trùng ở nơi đó chết. Đây là tội lỗi của việc trị bệnh. Tâm của họ như vậy, thích sinh sống bằng nghề bất tịnh, làm sao có thể tu thiền, đọc tụng. Tâm họ chỉ thường ưa thích việc trị bệnh.

Lại nữa, Tỳ-kheo trị bệnh này, tâm tư duy về điều ác, có lỗi rất lớn. Tỳ-kheo này tư duy pháp ác có tâm như vậy: muốn cho có nhiều người bị bệnh, nếu người bệnh nhiều ta liền được cúng dường của cải, đồ ăn thức uống, ngọc cụ và nhiều lợi lộc khác. Dục hủy hoại tâm làm vị ấy không nhớ pháp thiện, không thích tọa thiền, tụng kinh, không gần tôn trưởng, không gần bạn lành, cũng không lễ Phật. Làm việc bất thiện, sau khi

qua đời, vị ấy bị đọa vào đường ác, sinh trong địa ngục. Do nghiệp thiện còn sót lại, khi ra khỏi nơi đó, vị ấy sinh trong loài người nhưng thường đau bệnh, nghèo khổ, chết sớm. Ấy là do nghiệp ác trị bệnh.

Lại nữa, cái họa của người làm thầy trị bệnh là trị bệnh theo pháp cũng có lỗi lầm. Từ vô thủy đến nay có ba loại bệnh là gió, nóng và lạnh. Ba việc này điều hòa thì tâm được an lạc, không đọa cõi ác. Thân này tan rã, hoại diệt thì ba việc này cũng mất. Vậy mà người ngu si phàm phu ấy chưa từng nghe đến, chưa có trí tuệ, thật chẳng phải Sa-môn, mà tự nói: Ta là Sa-môn, trị ba loại ấy. Vì nghĩa gì, vì nhân gì mà cạo bỏ râu tóc, đắp pháp y mà lại xả bỏ điều này? Từ vô thủy đến nay, tham, sân, si không tùy thuộc vào thân. Nếu thiêu thân, ba thứ ấy không bị thiêu, không mất, không diệt. Chúng theo đuổi trôi buộc và đi chung với ta ở khắp nơi trong năm đường, vì sao không lo trị ba thứ họa lớn là tham, sân, si này trước mà lại trị bệnh gió, nóng, lạnh kia trước? Đây là xuất gia một cách hư dối, ngu si, không trí tuệ.

Kẻ phàm phu hèn hạ, bị tâm lừa dối như có người ngu, không có quyền lực hằng ngày bị não loạn. Nếu người ngu ấy vì của cải mà gây oán với kẻ có sức mạnh thì không thể ngăn được. Nếu dùng thế lực cũng không thể phòng ngự. Kẻ oán thù có thế lực lớn này thường tìm đến gây hại nhưng người ngu này không sợ kẻ oán thù ấy. Biết người khác có chút ít oán thù, người này sinh sợ sệt đối với người có chút ít oán thù ấy. Người này kết bạn với người ngu và người ngu nói với đồng bạn là: Nay ta cùng nhau từ bỏ giặc oán ấy. Kẻ oán thù có sức mạnh lớn biết người ngu si ấy là kẻ ngu si, biếng nhác và phóng dật nên đến giết người ấy. Vì sao? Do người ngu ấy làm việc cho người khác.

Như vậy, như vậy, người Sa-môn ấy tự cho là Sa-môn, làm thầy Sa-môn mà lìa bỏ, không đối phó với kẻ oán thù có sức mạnh lớn để làm việc khác.

Tham, sân, si ấy theo đuổi không rời ở trong vô lượng đời. Chúng bày ra đường sinh tử, có sức mạnh lớn mà không có nơi chốn, không thể tìm cầu, chỉ có trí tuệ mới biết được. Để trừ kẻ oán thù lớn này người ngu si ấy đã lìa bỏ bạn thân, vợ con, anh em của mình để cạo tóc xuất gia. Tuy đã xuất gia rồi những người ấy không thể quan sát thấy kẻ thù có sức mạnh lớn này.

Vì muốn được của cải, người ấy nói với người khác là:

–Kẻ thù của ông chính là gió, lạnh, nóng mà tôi sẽ diệt trừ. Do tâm loạn động này người ngu si ấy bị thần chết đến kê, ba loại oan gia theo đuổi không rời. Kẻ thù lớn ấy là tham, sân, si. Người ấy bị dây tham dục trôi nên sống rất phóng dật, dẫn sang cõi khác, thích làm việc khác và bị sự tham lam làm loạn ý. Vì vậy, người nào biết cái họa này rồi thì không làm thầy trị bệnh. Nếu có trị bệnh thì nên trị bệnh tham, sân, si... liền thường không bệnh. Khi ấy Đức Thế Tôn Ca-diếp nói kệ:

*Gió, lạnh, nóng ít họa  
Tham, sân... họa mới nhiều  
Gió... không phải đường ác  
Tham sân đọa địa ngục.  
Họa tâm là họa lớn  
Thường khiến đi đường ác  
Vì vậy trừ liền vui  
Trừ gió, lạnh chẳng vui.  
Nếu bỏ nghiệp của mình*

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Ưu thích việc của người  
Người ấy mau thoái thất  
Bị người trí chê cười.  
Gió lạnh nóng suy kém  
Chúng sinh liền mất thân  
Tham sân chưa từng mất  
Sinh tử làm điên đảo.  
Diệt tham dục được vui  
Diệt gió lạnh chẳng vui  
Do tham sân bị diệt  
Liên được vui thù thắng.  
Trị tâm là trị bệnh  
Trị thân chẳng trị bệnh  
Trị tâm bệnh khó biết  
Trị gió lạnh dễ hiểu.*

Do nhân duyên ấy Đức Phật Ca-diếp ngăn cản không cho người xuất gia làm thầy trị bệnh.

Lại nữa, người xuất gia trị bệnh có vô lượng lỗi là sinh tâm tham, thấy các vị thầy thuốc khác tâm liền sinh ngạo mạn, dùng lời bất thiện hủy nhục thầy thuốc khác, bỏ bê việc làm chính của thầy Tỳ-kheo, tâm sinh ganh ghét, gây nghiệp ngạ quỷ, tạo nhân sinh làm ngạ quỷ.

Tâm người này uế tạp, vọng động và rất tham. Do tâm tham sinh ra, lúc thấy phụ nữ, không khéo quan sát do đó tự làm ngăn ngại rối loạn. Người ngu si ấy khi thấy phụ nữ thì tham dục phát sinh hủy hoại tâm. Người ấy trị bệnh gió, lạnh, nóng... của người khác nhưng tự tăng trưởng của bệnh tham, sân, si trong thân. Do tăng tham, sân, si nên các loại khổ não về địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh cũng tăng lên và người ấy bị tham, sân, si phá hoại. Người thầy thuốc bất thiện thì có ác kiến, bị cái họa lớn trôi buộc đưa vào địa ngục. Vì vậy, tất cả người xuất gia phải thường siêng năng trừ bệnh tham, sân, si chớ đừng trị bệnh gió, lạnh, nóng.

Pháp thứ hai này là người Sa-môn nào muốn cầu Niết-bàn thì không nên dùng thuốc thang trị bệnh làm trở ngại, phế bỏ việc tọa thiền, đọc tụng kinh, luật.

Lại nữa, phải xả bỏ, không nên thực hành pháp ngăn ngại thứ ba. Pháp thứ ba đó là gì? Đó là làm thợ vẽ. Người xuất gia không nên làm nghề vẽ. Vì sao? Đó là vì trừ bỏ tham dục. Đã xả bỏ gia đình xuất gia sao lại sinh tâm dục khác? Đã biết ở thế gian có tâm nghiệp vẽ rồi mới tạo đủ loại bức họa khác. Nên có người không biết bức họa của tâm nghiệp thì có thể tạo bức họa có đủ màu sắc.

Người xuất gia ấy cần biết rõ năm màu sắc chính của bức họa, họa thành năm đường, do đủ loại tâm.

Những gì là năm? Đó là năm màu sắc chính tạo nên năm đường.

Tâm là người thợ vẽ dùng màu trắng và rất sạch của nghiệp để họa thành thiên đạo. Do tín tâm, thích bố thí rộng khắp, lìa keo kiệt, ganh ghét, khởi ra pháp trong trắng nhất là núi bố thí, trì giới, họa ra chư Thiên. Tâm chính là người thợ vẽ họa nên thiên đạo.

Lại nữa, người xuất gia lại nên quán xét bức họa nghiệp, nhiều màu sắc nghiệp họa ra nhân đạo. Người có các bậc thượng, trung, hạ khác nhau. Nếu là người giàu, có

thể trì giới thì người ấy do nghiệp có màu trong trắng nhất hóa ra. Nếu người rất giàu, không thể trì giới, người ấy do nghiệp có màu đen, trắng tạo ra. Nếu người bần cùng mà có thể giữ giới, người ấy là do nghiệp có màu đỏ, trắng họa ra. Nếu người bần cùng không thể trì giới, người ấy là do nghiệp đen và cấu uế họa ra. Nếu người biếng nhác mà nhiều tham dục, người ấy là do nghiệp có màu đen, vàng họa ra. Nếu người xinh đẹp, sinh trong dòng họ lớn, người ấy là do nghiệp trắng sạch họa ra. Nếu người sinh trong dòng họ bậc trung, người ấy là do nghiệp có màu đỏ, hồng họa ra. Nếu là người sinh trong dòng họ dưới, thì người ấy do nghiệp đen, bần họa ra.

Tâm là người thợ vẽ dùng màu sắc nghiệp lành để vẽ nên nhân đạo.

Người nào sinh trong nhân loại, hoặc làm quốc vương, hoặc làm đại thần mà lại tạo ra nghiệp chẳng lành thì màu bạch nghiệp giảm đi, màu hắc nghiệp phát sinh thêm.

Lại nữa, nếu người này sinh trong gia đình hèn hạ, hoặc hết sức bần cùng mà thường thực hành bố thí, giữ gìn giới cấm thì màu nghiệp đen của người ấy giảm đi, màu nghiệp trắng tăng thêm.

Nếu người sinh trong dòng họ bậc trung, có sắc đẹp dịu dàng và tạo nghiệp trung bình, ông thợ vẽ là tâm dùng màu sắc trắng, đỏ của nghiệp vẽ ra. Như vậy vô lượng nghiệp đủ loại màu của thợ vẽ. Người ở thế gian này do đủ loại nghiệp có màu sắc khác nhau vẽ ra nên khác hẳn nhau.

Người xuất gia lại quán đường khác đó là quán lại người thợ vẽ địa ngục súc sinh. Nó do nghiệp có hai loại màu họa ra. Đó là màu vàng và màu đen. Màu vàng là lửa, màu đen là ganh ghét, sinh ở trong địa ngục bậc trung, bậc dưới là do hai loại màu này họa ra.

Tỳ-kheo quán màu sắc của địa ngục rồi, lại quán nghiệp có màu đen của ngạ quỷ bị đói khát thiêu thân, tất cả quỷ đều do màu sắc của nghiệp họa ra.

Lại quan sát nghiệp có màu gì họa ra súc sinh? Đó là màu đen, màu đỏ. Nếu chúng thọ chịu khổ não bậc nhất, sợ lo sợ nhất là do màu đen họa ra. Nếu chúng giết hại lẫn nhau là do màu đỏ họa ra. Màu sắc này là do tâm làm thợ vẽ họa ra.

Lại nữa, nói lược qua súc sinh ở ba chỗ, sợ hãi lẫn nhau, sợ bị giết, bị trói, bị loài khác ăn thịt. Loài bay trên hư không là khổng tước, trĩ, ngỗng... loài trên mặt đất là trâu, bò, chó, ngựa. Loài ở dưới nước là cá..., chúng do màu đen họa ra, hoặc không sợ bị giết. Chúng do màu đỏ họa ra, nếu là voi trên cõi trời.

Người ấy không thể tư duy như vậy về năm đường này và năm loại màu.

Năm tướng trên trời, hành vi trong loài người, súc sinh giết nhau, ngạ quỷ đói khát, chúng sinh ở trong địa ngục chịu khổ não lớn. Nghiệp đủ loại màu sắc được họa ra như vậy. Người ngu si ít trí ấy không ghi nhớ, không suy nghĩ, do đó biếng nhác, không hay ngời thiền, không thể giữ giới, không thể đọc tụng và không thể biết tâm là thợ vẽ tạo các bức họa khác. Bức họa thứ nhất là sinh, già, bệnh, chết, oán ghét gặp nhau, thương yêu xa lìa, lạnh nóng đói khát, hủy hoại lẫn nhau, chệch bại việc cúng dường, trẻ con, nô lệ, chủ nhân, khổ não, an lạc. Màu sắc của nghiệp địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người xen lẫn nhau, họa nên sinh tử. Các hạng người không thể tu hành, không thể tư duy, tâm niệm biết điều đó rồi không sinh nhàm chán. Tỳ-kheo ấy xả bỏ việc tọa thiền, đọc tụng. Nếu muốn có tâm khác vẽ ra pháp Sa-môn, phải lấy thiền, tụng làm gốc.

Lại có pháp khác họa nên nẻo sinh tử, không thể tư duy mà liền tư duy, lại tạo bức họa khác. Đó là các loại nguồn gốc của cảnh giới. Nếu có chúng sinh ưa thích cảnh giới, trôi lăn nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh trong thời gian lâu dài. Pháp này thế nào? Đó là

mắt thấy sắc, ưa thích cảnh giới mà sinh tâm ham muốn, vướng chặt vào trong sắc ấy. Người đó liền thâm tóm lấy nghiệp có màu đen là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh do màu ấy họa ra.

Nếu chúng sinh ấy mắt thấy sắc rồi, tư duy như vậy: Sắc này vô thường, chuyển động, biến đổi. Vì thế người này không ưa, không thích, không tham, không đắm. Như vậy là người ấy thuộc về nghiệp có màu trắng, được sinh trong cõi trời, người cho đến Niết-bàn.

Có người mắt thấy sắc không thích, không duyên theo, không mong không nhớ, không có tâm thọ dụng, không sinh tâm ham muốn, người ấy là do nghiệp có màu trắng nhất họa ra, thọ an lạc ở trong loài người.

Do tâm si ấy, Tỳ-kheo ác này không tư duy, không nhớ nghĩ, không tọa thiền, không đọc tụng, nếu mắt thấy sắc liền ưa thích, đắm nhiễm cảnh giới. Người bị trói buộc như thế là do nghiệp có màu đen họa ra. Người có trí tuệ thì có thể xả bỏ nghiệp có màu đen ấy là nghiệp do ác ý họa ra và nên tọa thiền, đọc tụng kinh luật.

Lại quan sát thấy Sa-môn thợ vẽ, lúc tư duy để họa vẽ thành hình gì? Đó là tai nghe tiếng hoặc thích, hoặc không thích.

Người ấy quán như thật, tiếng này là vô thường, không dừng trụ, không chắc chắn, bị phá hoại. Biết như vậy rồi, tâm không ưa thích, không sinh vui mừng, không nhớ, không ưa, không nghe, không quan sát. Như vậy là bức họa màu trắng ấy sinh trong hàng trời, người. Sinh lên cõi trời rồi, họ có đủ loại bức họa thù thắng bậc nhất như vậy.

Còn người Sa-môn thợ vẽ ác ý ấy, tự xưng là Sa-môn nhưng chưa từng khởi tâm tư duy về sự thật nơi bức họa âm thanh nên mãi mê vẽ thành bức họa khác mà không chịu tư duy, tọa thiền, đọc tụng, xả bỏ việc thiền, tụng, không tu nghiệp lành.

Lại nữa, người Sa-môn ngu si lắng nghe âm thanh ấy là chưa từng nghe đến, ngu si không trí, tư duy như vậy: “Âm thanh này đáng ưa, có thể khiến tâm vui, có thể khiến ta vui”. Sa-môn ác ấy không khéo quan sát cho nên quán âm thanh ấy tâm sinh mong cầu, nhân đó sinh ham muốn, tâm sinh ưa thích đối với âm thanh ấy. Tâm là người thợ vẽ dùng màu đen ấy họa ra địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Sa-môn ác ấy biết bức họa nghiệp rồi mà còn tạo các bức họa khác nên xả bỏ việc tọa thiền, đọc tụng...

